

**BẢNG SO SÁNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT 2006 VÀ DỰ THẢO  
LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT**



Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật 2006		Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật		Ghi chú
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
<b>CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b>	<b>CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b>	
	3. Hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn là việc xây dựng, công bố và áp dụng tiêu chuẩn, đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn.		3. Hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn ( <i>tiêu chuẩn hóa</i> ) bao gồm các hoạt động xây dựng, công bố và áp dụng tiêu chuẩn, đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn.	Sửa đổi, bổ sung cụm từ
	5. Đánh giá sự phù hợp là việc xác định đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý quy định trong tiêu chuẩn tương ứng và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Đánh giá sự phù hợp bao gồm hoạt động thử nghiệm, hiệu chuẩn, giám định, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, công nhận năng lực của phòng thử nghiệm, phòng hiệu chuẩn, tổ chức chứng nhận sự phù hợp, tổ chức giám		5. Đánh giá sự phù hợp là việc xác định đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý quy định trong tiêu chuẩn tương ứng và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Đánh giá sự phù hợp bao gồm hoạt động: thử nghiệm; hiệu chuẩn; giám định; <i>xác nhận giá trị sử dụng; kiểm tra xác nhận; xét nghiệm y tế</i> ; chứng nhận hợp chuẩn; chứng nhận hợp quy; công nhận năng lực của các <i>tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức sản xuất mẫu chuẩn, tổ chức cung cấp thử nghiệm thành thạo và các hoạt động khác có liên quan.</i>	Sửa đổi, bổ sung



định.			
		<p>5a. Tổ chức đánh giá sự phù hợp là tổ chức thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp quy định tại khoản 5 Điều này, ngoại trừ hoạt động công nhận.</p> <p>5b. Thử nghiệm là việc xác định một hay nhiều đặc tính của đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật theo một quy trình nhất định.</p> <p>5c. Giám định là việc kiểm tra và xác định sự phù hợp của đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật với các yêu cầu cụ thể hoặc các yêu cầu chung.</p> <p>5d. Xác nhận giá trị sử dụng là việc xác nhận tính hợp lý của việc công bố sự phù hợp liên quan đến mục đích sử dụng dự kiến hoặc kết quả dự kiến thông qua việc cung cấp bằng chứng chứng minh các yêu cầu được thực hiện đầy đủ theo tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>5đ. Kiểm tra xác nhận là việc xác nhận sự chính xác của việc công bố sự phù hợp liên quan đến sự kiện đã xảy ra hoặc kết quả đã đạt được thông qua việc cung cấp bằng chứng chứng minh các yêu cầu được thực hiện đầy đủ theo tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>5e. Mẫu chuẩn là vật liệu có độ đồng nhất và ổn định nhất định đối với một hoặc một số thuộc tính, được thiết lập phù hợp với mục đích sử dụng dự kiến trong quá trình đo.</p> <p>5g. Thử nghiệm thành thạo là phương thức đánh giá năng lực phòng thử nghiệm bằng cách so sánh kết quả thực hiện các phép đo hoặc phép thử giữa các</p>	Bổ sung

			<i>phòng thử nghiệm trên cùng một mẫu thử hoặc trên các mẫu thử tương tự nhau trong những điều kiện đã được định trước.</i>	
	10. Công nhận là việc xác nhận phòng thử nghiệm, phòng hiệu chuẩn, tổ chức chứng nhận sự phù hợp, tổ chức giám định có năng lực phù hợp với các tiêu chuẩn tương ứng.		10. Công nhận là việc xác nhận tổ chức thử nghiệm, hiệu chuẩn, chứng nhận (hệ thống quản lý, năng lực cá nhân, sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ và môi trường), giám định, sản xuất mẫu chuẩn, cung cấp thử nghiệm thành thạo, xét nghiệm y tế, xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận và các tổ chức đánh giá sự phù hợp liên quan khác có năng lực phù hợp với các tiêu chuẩn tương ứng.	Sửa đổi, bổ sung
			11. Hạ tầng chất lượng quốc gia là kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm các cơ quan, tổ chức, các chính sách, chiến lược, quy định pháp luật liên quan để hỗ trợ và nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình và môi trường. Hạ tầng chất lượng quốc gia bao gồm năm thành phần: tiêu chuẩn, đo lường, công nhận, đánh giá sự phù hợp, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa của một quốc gia.	Bổ sung
			12. Chỉ số hạ tầng chất lượng quốc gia là chỉ số cung cấp thông tin về sự phát triển của hạ tầng chất lượng quốc gia, xác định các chỉ số cho từng thành phần và mối liên hệ giữa các thành phần của hạ tầng chất lượng quốc gia.	Bổ sung
			13. Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia là cơ quan trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có nhiệm vụ quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.	Bổ sung
			14. Tiêu chuẩn quốc gia là tiêu chuẩn được Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, công bố theo trình tự,	Bổ sung

		<i>thủ tục quy định.</i>	
		<i>15. Tiêu chuẩn quốc tế là tiêu chuẩn do tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế hoặc tổ chức quốc tế có hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn công bố.</i>	Bổ sung
		<i>16. Tiêu chuẩn khu vực là tiêu chuẩn do tổ chức tiêu chuẩn hóa khu vực hoặc tổ chức khu vực có hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn công bố.</i>	Bổ sung
		<i>17. Tiêu chuẩn cơ sở là tiêu chuẩn do tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công bố để áp dụng cho các hoạt động trong phạm vi của tổ chức đó.</i>	Bổ sung
	<b>Điều 6. Nguyên tắc cơ bản của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật</b>	<b>Điều 6. Nguyên tắc cơ bản của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật</b>	
	<p>4. Việc xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phải:</p> <p>a) Dựa trên tiên bộ khoa học và công nghệ, kinh nghiệm thực tiễn, nhu cầu hiện tại và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội;</p> <p>b) Sử dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài làm cơ sở để xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, trừ trường hợp các tiêu chuẩn đó không phù hợp với đặc điểm về địa lý, khí hậu, kỹ thuật, công nghệ của Việt Nam hoặc ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia;</p> <p>c) Ưu tiên quy định các yêu cầu về tính năng sử dụng sản phẩm, hàng hóa; hạn chế quy định các yêu cầu mang tính mô</p>	<p>4. Việc xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phải:</p> <p>a) Dựa trên tiên bộ <i>khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i>, kinh nghiệm thực tiễn, nhu cầu hiện tại và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội; <i>thực hiện đánh giá tác động một cách toàn diện, đảm bảo không gây trở ngại không cần thiết đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại;</i></p> <p>b) <i>Ưu tiên</i> sử dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài làm cơ sở để xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, trừ trường hợp các tiêu chuẩn đó không phù hợp với đặc điểm về địa lý, khí hậu, kỹ thuật, công nghệ của Việt Nam hoặc ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia;</p> <p>c) Ưu tiên quy định các yêu cầu về tính năng sử dụng sản phẩm, hàng hóa; hạn chế quy định các yêu cầu mang tính mô tả hoặc thiết kế chi tiết;</p>	Sửa đổi, bổ sung

	<p>tả hoặc thiết kế chi tiết; d) Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tiêu chuẩn và hệ thống quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam.</p>	<p>d) Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tiêu chuẩn và hệ thống quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, <i>phù hợp quy định pháp luật về đo lường, chất lượng, góp phần trực tiếp nâng cao hạ tầng chất lượng quốc gia.</i> đ) <i>Bảo đảm sự tham gia của các tổ chức, cá nhân nước ngoài vào quá trình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</i></p>	
	<p><b>Điều 7. Chính sách của Nhà nước về phát triển hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật</b></p>	<p><b>Điều 7. Chính sách của Nhà nước về phát triển hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật</b></p>	
	<p>1. Chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quản lý nhà nước về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật .</p>	<p>1. Chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, <i>phổ cập tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật</i>, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật <i>thông qua các chương trình, tài liệu, khóa đào tạo, bồi dưỡng trong các cơ sở giáo dục đào tạo.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>
	<p>2. Hỗ trợ, thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học và phát triển công nghệ phục vụ hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật.</p>	<p>2. Hỗ trợ, thúc đẩy nghiên cứu, <i>chuyên giao, ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i> phục vụ hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>
		<p>3. <i>Phát triển hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, chương trình, đề án trọng điểm quốc gia và yêu cầu hội nhập quốc tế nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.</i></p>	<p>Bổ sung</p>
		<p>4. <i>Phát triển nền tảng số quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nhằm kết nối và chia sẻ giữa các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và kết nối với các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực, nước ngoài.</i></p>	<p>Bổ sung</p>

			5. Tập trung nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước và nước ngoài cho các tổ chức nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, hiệp hội, hội, doanh nghiệp triển khai nghiên cứu, đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp để xây dựng tiêu chuẩn quốc gia.	Bổ sung
	3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đầu tư phát triển hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật tại Việt Nam, đào tạo kiến thức về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật cho các ngành kinh tế - kỹ thuật.		6. Khuyến khích, hỗ trợ tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đầu tư phát triển hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật tại Việt Nam, đào tạo kiến thức về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.	Sửa đổi số thứ tự khoản, giữ nguyên nội dung
			7. Tôn vinh, khen thưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật.	Bổ sung
	<b>Điều 8. Hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật</b>		<b>Điều 8. Hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật</b>	Bổ sung các khoản 3, 4, 5, 6
			3. Nhà nước hỗ trợ các đại diện của Việt Nam tham gia vào các hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.	
			4. Nhà nước tạo điều kiện để xây dựng thành tiêu chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm trọng điểm, ưu tiên, chủ lực, đặc thù của Việt Nam.	

			5. Nhà nước đảm bảo bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước đối với các hoạt động hợp tác, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo, tham gia các tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ là thành viên nhằm thúc đẩy thuận lợi hoá thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua hàng rào kỹ thuật trong thương mại.	
			6. Chính phủ quy định chi tiết thực hiện các khoản 3, 4, 5 Điều này.”.	
			<b>Điều 8a. Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia</b>	Bổ sung
			1. Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia là cơ sở để định hướng hoạt động tiêu chuẩn hóa, phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia, đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy hội nhập quốc tế, đảm bảo phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.	
			2. Nội dung của Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia bao gồm: a) Quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu; b) Các nhiệm vụ; c) Các giải pháp thực hiện; d) Chương trình, đề án, dự án trọng điểm; đ) Kế hoạch, nguồn lực thực hiện.	
			3. Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia có các nhiệm vụ chủ yếu sau đây: a) Đưa tiêu chuẩn hóa trở thành động lực quan trọng, có vai trò dẫn dắt, thúc đẩy sự phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; b) Định hướng phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc	

			gia phục vụ việc thực hiện các mục tiêu ưu tiên trong phát triển kinh tế xã hội, ngành, lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu của thị trường; c) Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về tiêu chuẩn hóa; d) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia vào công tác tiêu chuẩn hóa.	
			4. Nguồn tài chính thực hiện Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia bao gồm: a) Kinh phí từ các quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách nhà nước; b) Đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài.	
			5. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia.	
			<b>Điều 8b. Hạ tầng chất lượng quốc gia</b>	Bổ sung
			1. Hạ tầng chất lượng quốc gia hướng đến các mục tiêu: a) Thống nhất, đồng bộ các hoạt động về tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp từ trung ương đến địa phương; b) Xây dựng, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác các nguồn lực về hạ tầng chất lượng quốc gia; c) Hình thành và phát triển các tổ chức tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, mạng lưới chuyên gia của Việt Nam đạt trình độ khu vực và quốc tế; d) Ứng dụng các nền tảng công nghệ mới, các mô hình quản lý tiên tiến, hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế.	
			2. Nhà nước có chính sách hỗ trợ, phát triển hạ tầng	



			<p>chất lượng quốc gia đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.</p>	
			<p>3. Phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, đồng bộ, hiện đại và gắn với nền công nghiệp ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</p>	
			<p>4. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để xây dựng chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia.</p>	
			<p><b>Điều 8c. Minh bạch hóa và hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại</b></p>	Bổ sung
			<p>1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực thi các nghĩa vụ minh bạch hóa và tuân thủ các nguyên tắc về thông báo, công bố thông tin, hỏi đáp, xử lý quan ngại thương mại về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp theo các cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p>	
			<p>2. Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia là đầu mối quốc gia tham gia đàm phán và thực thi các cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia có vai trò chủ trì, điều phối và kiểm soát chung các hoạt động liên quan đến hàng rào kỹ thuật trong kỹ thuật đối với thương mại và phân tích đánh giá tác động của các</p>	

		<p>cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại trong các hiệp định thương mại tự do đối với sản phẩm hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam.</p>	
		<p>3. Chính sách đối với hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại phù hợp với các cam kết quốc tế</p> <p>a) Phát triển hạ tầng thông báo và hỏi đáp quốc gia về hàng rào kỹ thuật trong thương mại theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng hội nhập quốc tế và nhu cầu thông tin về hàng rào kỹ thuật trong thương mại phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, phù hợp với các điểm thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của các bộ ngành và địa phương;</p> <p>b) Hỗ trợ doanh nghiệp thông qua việc xây dựng cơ sở dữ liệu về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, có chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tiếp cận các thị trường trọng điểm, tập trung hỗ trợ doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên; xây dựng và triển khai hiệu quả chương trình hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu; tăng cường hoạt động loại bỏ hàng rào kỹ thuật trong thương mại gắn với hoạt động doanh nghiệp xuất khẩu;</p> <p>c) Triển khai công tác tuyên truyền trong và ngoài nước về thực thi các hiệp định thương mại tự do đa phương, song phương;</p> <p>d) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia hoạt động loại bỏ hàng rào kỹ thuật trong thương mại.</p>	

			<b>Điều 8d. Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật</b>	Bổ sung
			1. Nhà nước đầu tư xây dựng và đảm bảo điều kiện vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.	
			2. Cơ quan tiêu chuẩn hoá quốc gia phối hợp với các bộ, ngành, tổ chức liên quan để tổng hợp, cập nhật cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài và các tài liệu kỹ thuật khác vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.	
<b>CHƯƠNG II. XÂY DỰNG, CÔNG BỐ VÀ ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN</b>	<b>Điều 11. Trách nhiệm xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn</b>	<b>CHƯƠNG II. XÂY DỰNG, CÔNG BỐ VÀ ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN</b>	<b>Điều 11. Trách nhiệm xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn</b>	
	1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và đề nghị thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia.		1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia.	Sửa đổi
	2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và công bố tiêu chuẩn quốc gia.		2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và công bố tiêu chuẩn quốc gia có đối tượng không thuộc danh	Bổ sung

			<i>mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.</i>	
			<i>3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và công bố tiêu chuẩn quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.</i>	Bổ sung
	3. Các tổ chức xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở bao gồm: a) Tổ chức kinh tế; b) Cơ quan nhà nước; c) Đơn vị sự nghiệp; d) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp.		4. Các tổ chức xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở bao gồm: a) Tổ chức kinh tế; b) Đơn vị sự nghiệp; c) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp.	Bãi bỏ “Cơ quan nhà nước”
	<b>Điều 12. Loại tiêu chuẩn</b>		<b>Điều 12. Loại tiêu chuẩn</b>	
	5. Tiêu chuẩn ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản quy định các yêu cầu về ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản sản phẩm, hàng hoá.		5. Tiêu chuẩn ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản quy định phương thức, nội dung về ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hoá và yêu cầu về định danh đơn nhất, mã hóa dữ liệu dạng ngôn ngữ máy có thể đọc, nhận dạng và thu thập dữ liệu liên quan đến các đối tượng quản lý trong chuỗi giá trị cung ứng.	Sửa đổi, bổ sung
	<b>Điều 14. Quy hoạch, kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia</b>		<b>Điều 14. Kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia</b>	Bỏ từ “quy hoạch”
	1. Quy hoạch, kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia bao gồm quy hoạch, kế hoạch năm năm và kế hoạch hằng năm được lập trên cơ sở sau đây: a) Yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; b) Đề nghị của tổ chức, cá nhân.		1. Kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia bao gồm kế hoạch năm năm và kế hoạch hằng năm được lập trên cơ sở sau đây: a) Yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; b) Đề nghị của tổ chức, cá nhân.	Bỏ từ “quy hoạch”

	<p>2. Quy hoạch, kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan tổ chức lập và thông báo công khai để lấy ý kiến rộng rãi trước khi phê duyệt.</p> <p>Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt quy hoạch, kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và thông báo công khai quy hoạch, kế hoạch đó trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày phê duyệt.</p>		<p>2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan tổ chức lập kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia có đối tượng không thuộc danh mục bí mật nhà nước và thông báo công khai để lấy ý kiến rộng rãi trước khi phê duyệt.</p> <p>Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia có đối tượng không thuộc danh mục bí mật nhà nước và thông báo công khai kế hoạch đó trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày phê duyệt.</p>	Sửa đổi, bổ sung
			<p>3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.</p>	Bổ sung
	<p>3. Trong trường hợp cần thiết, quy hoạch, kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia được sửa đổi, bổ sung theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Việc sửa đổi, bổ sung quy hoạch, kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p>		<p>4. Trong trường hợp cần thiết, kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia được sửa đổi, bổ sung theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.</p>	Sửa đổi, bổ sung
	<p><b>Điều 15. Quyền của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc gia</b></p>			
	<p>2. Chủ trì biên soạn hoặc tham gia biên soạn dự thảo tiêu chuẩn quốc gia để đề</p>		<p>2. Chủ trì biên soạn hoặc tham gia biên soạn dự thảo tiêu chuẩn quốc gia để đề nghị Bộ Khoa học và Công</p>	Sửa đổi, bổ sung

	ngộ Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định, công bố.		ngộ tổ chức thẩm định, công bố. <i>Tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí của mình nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, hỗ trợ nghiên cứu xây dựng quy chuẩn kỹ thuật được hưởng ưu đãi về thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các quy định pháp luật khác có liên quan.</i>	
			<i>2a. Đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng thành tiêu chuẩn quốc gia đối với tiêu chuẩn cơ sở tổ chức đã công bố.</i>	Bổ sung
	<b>Điều 16. Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia</b>		<b>Điều 16. Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia</b>	
	1. Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia là tổ chức tư vấn kỹ thuật do Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập cho từng lĩnh vực tiêu chuẩn.		1. Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia là tổ chức tư vấn kỹ thuật do Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập cho từng lĩnh vực tiêu chuẩn. <i>Trong trường hợp cần thiết, Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập tiêu ban kỹ thuật, nhóm công tác thuộc ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia để triển khai hoạt động trong chuyên ngành hẹp thuộc lĩnh vực của ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia.</i>	Sửa đổi, bổ sung
	2. Thành viên ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia bao gồm đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ, hội, hiệp hội, doanh nghiệp, các tổ chức khác có liên quan, người tiêu dùng và các chuyên gia.		2. Thành viên ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia bao gồm đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ, hội, hiệp hội, doanh nghiệp, các tổ chức khác có liên quan, người tiêu dùng và các chuyên gia trong nước và nước ngoài.	Sửa đổi, bổ sung
	<b>Điều 17. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia</b>		<b>Điều 17. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia</b>	
	1. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định,		1. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu	

	công bố tiêu chuẩn quốc gia đối với dự thảo tiêu chuẩn quốc gia do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng được quy định như sau:		chuẩn quốc gia đối với dự thảo tiêu chuẩn quốc gia do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng được quy định như sau:	
	Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia theo quy định tại Điều 18 của Luật này. Thời hạn thẩm định không quá sáu mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;		d) Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia theo quy định tại Điều 18 của Luật này. Thời hạn thẩm định không quá <i>ba mươi ngày</i> , kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;	
			<i>3a. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể trình tự thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.</i>	Bổ sung
	<b>Điều 19. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia</b>		<b>Điều 19. Rà soát, đính chính, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia</b>	
	1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức rà soát tiêu chuẩn quốc gia định kỳ ba năm một lần hoặc sớm hơn khi cần thiết, kể từ ngày tiêu chuẩn được công bố.		1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức rà soát tiêu chuẩn quốc gia định kỳ ba năm một lần hoặc sớm hơn khi cần thiết, kể từ ngày tiêu chuẩn được công bố.	
			2. <i>Việc đính chính tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện dựa trên cơ sở kết quả rà soát tiêu chuẩn quốc gia hoặc đề nghị đính chính tiêu chuẩn quốc gia của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức, cá nhân.</i> <i>Việc đính chính tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện đối với tiêu chuẩn quốc gia có sai lỗi về thể thức</i>	Sửa đổi, bổ sung

			<i>trình bày, số hiệu tiêu chuẩn, nội dung biên tập mà không ảnh hưởng, thay đổi các quy định, yêu cầu kỹ thuật của tiêu chuẩn.</i>	
	2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 17 của Luật này trên cơ sở kết quả rà soát hoặc đề nghị của tổ chức, cá nhân.		3. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 17 của Luật này trên cơ sở kết quả rà soát hoặc đề nghị của tổ chức, cá nhân.	Giữ nguyên
	3. Việc bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện trên cơ sở kết quả rà soát tiêu chuẩn quốc gia hoặc đề nghị bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức, cá nhân.		4. Việc bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện trên cơ sở kết quả rà soát tiêu chuẩn quốc gia hoặc đề nghị bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức, cá nhân.	Giữ nguyên
			5. Căn cứ yêu cầu quản lý, năng lực kỹ thuật, trình độ công nghệ, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, tổ chức, cá nhân có quyền xem xét, quyết định việc tham khảo, áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia đã bãi bỏ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.	Bổ sung
			<b>Điều 19a. Xây dựng, thẩm định, công bố, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn</b>	Bổ sung
			1. Các trường hợp xây dựng, thẩm định, công bố, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn a) Trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn;	



			<p>b) Trường hợp cần bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia được viện dẫn trong văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật có nội dung trái pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.</p>	
			<p>2. Thẩm quyền quyết định việc xây dựng, thẩm định công bố, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn</p> <p>a) Thủ tướng Chính phủ quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với tiêu chuẩn quốc gia trong trường hợp tại điểm a khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với tiêu chuẩn quốc gia do mình xây dựng trong trường hợp tại điểm b khoản 1 Điều này.</p>	
			<p>3. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn</p> <p>a) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức việc soạn thảo, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc đề nghị bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia căn cứ quyết định của người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức có thể lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của tiêu chuẩn quốc gia, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì thời hạn lấy ý kiến không quá mười lăm ngày;</p> <p>c) Trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày nhận được hồ</p>	

			<p>sơ dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia;</p> <p>d) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tiêu chuẩn quốc gia được xây dựng, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định nhất trí với dự thảo tiêu chuẩn quốc gia hoặc ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, đã hoàn thiện theo ý kiến thẩm định. Trường hợp không đạt được sự nhất trí giữa hai bên, Bộ Khoa học và Công nghệ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;</p> <p>đ) Chính phủ quy định cụ thể hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn.</p>	
	<b>Điều 20. Xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở</b>		<b>Điều 20. Xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở</b>	
			3a. Tổ chức, cá nhân công bố tiêu chuẩn cơ sở có trách nhiệm thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.	Bổ sung
	4. Trình tự, thủ tục xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.		4. Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục xây dựng, công bố, thông báo việc công bố tiêu chuẩn cơ sở.	Sửa đổi, bổ sung
	<b>Điều 21. Xuất bản và phát hành tiêu chuẩn</b>		<b>Điều 21. Xuất bản và phát hành tiêu chuẩn</b>	
	1. Bộ Khoa học và Công nghệ giữ quyền xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc gia.		<p>1. Xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc gia</p> <p>a) Bộ Khoa học và Công nghệ giữ quyền xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc gia.</p> <p>Cơ quan tiêu chuẩn hoá quốc gia thực hiện việc xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc gia trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ký quyết định công bố;</p>	Bổ sung

			<p>b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức, cá nhân xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc gia do mình tổ chức xây dựng dự thảo;</p> <p>c) Tiêu chuẩn quốc gia có nguồn kinh phí xây dựng từ ngân sách nhà nước dành cho khoa học công nghệ, tiêu chuẩn quốc gia được viện dẫn trong các quy chuẩn kỹ thuật được xuất bản và phát hành công khai, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ quy định, pháp luật về bản quyền tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài;</p> <p>d) Chính phủ quy định chi tiết hoạt động xuất bản, phát hành tiêu chuẩn quốc gia.</p>	
	<p>2. Cơ quan đại diện của Việt Nam tham gia tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực về tiêu chuẩn thực hiện việc xuất bản, phát hành tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực theo quy định của tổ chức đó.</p> <p>Việc xuất bản, phát hành tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực mà Việt Nam không là thành viên và tiêu chuẩn nước ngoài được thực hiện theo thoả thuận với tổ chức ban hành tiêu chuẩn đó.</p>		<p>2. Xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài</p> <p>a) Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia thực hiện việc xuất bản, phát hành tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực theo quy định của tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực về tiêu chuẩn mà Việt Nam là thành viên;</p> <p>b) Việc xuất bản và phát hành tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực mà Việt Nam không là thành viên và tiêu chuẩn nước ngoài được thực hiện theo thoả thuận với các tổ chức đó.</p>	Sửa đổi, bổ sung
	<p>3. Tổ chức công bố tiêu chuẩn cơ sở giữ quyền xuất bản và phát hành tiêu chuẩn cơ sở.</p>		<p>3. Tổ chức công bố tiêu chuẩn cơ sở giữ quyền xuất bản và phát hành tiêu chuẩn cơ sở.</p>	Giữ nguyên
			<p>4. Việc xuất bản, phát hành tiêu chuẩn phải phù hợp với các quy định pháp luật về xuất bản, các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật khác có liên quan.</p>	Bổ sung
	<b>Điều 22. Thông báo, phổ biến tiêu</b>		<b>Điều 22. Thông báo, phổ biến tiêu chuẩn quốc gia</b>	

	<b>chuẩn quốc gia</b>			
	<p>Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm sau đây:</p> <p>1. Thông báo công khai việc công bố tiêu chuẩn quốc gia và việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia trong thời hạn ít nhất là ba mươi ngày, kể từ ngày ra quyết định;</p> <p>2. Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia;</p> <p>3. Định kỳ hằng năm phát hành danh mục tiêu chuẩn quốc gia.</p>		<p>1. Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo, phổ biến tiêu chuẩn quốc gia có đối tượng không thuộc danh mục bí mật nhà nước.</p> <p>a) Thông báo công khai việc công bố tiêu chuẩn quốc gia và việc đính chính, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia trong thời hạn ít nhất là ba mươi ngày, kể từ ngày ra quyết định.</p> <p>Đối với tiêu chuẩn quốc gia được xây dựng, công bố theo trình tự, thủ tục rút gọn thì Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo công khai việc công bố tiêu chuẩn quốc gia chậm nhất là năm ngày kể từ ngày tiêu chuẩn được công bố.</p> <p>b) Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia;</p> <p>c) Định kỳ hằng năm phát hành danh mục tiêu chuẩn quốc gia.</p>	Sửa đổi, bổ sung
			<p>2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ thông báo, phổ biến tiêu chuẩn quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.</p>	Bổ sung
<b>CHƯƠNG III. XÂY DỰNG, BAN HÀNH VÀ ÁP DỤNG QUY</b>	<b>Điều 27. Trách nhiệm xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật</b>	<b>CHƯƠNG III. XÂY DỰNG, BAN HÀNH VÀ ÁP DỤNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT</b>	<b>Điều 27. Trách nhiệm xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật</b>	

CHUẨN KỸ THUẬT				
	1. Trách nhiệm xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được quy định như sau:		1. Trách nhiệm xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được quy định như sau:	
	b) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;		b) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có đối tượng không thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; <i>Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.</i>	Sửa đổi, bổ sung
	c) Chính phủ quy định việc xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mang tính liên ngành và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật thuộc trách nhiệm quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ.		c) Chính phủ quy định việc xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mang tính liên ngành và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật thuộc trách nhiệm quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ.	Bãi bỏ
	<b>Điều 29. Quy hoạch, kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật</b>		<b>Điều 29. Kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật</b>	
	2. Quy hoạch, kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan có liên quan tổ chức xây dựng, thông báo công khai để lấy ý kiến rộng rãi trước		2. <i>Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan có liên quan tổ chức xây dựng, lấy ý kiến rộng rãi, phê duyệt, thông báo công khai kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày phê duyệt.</i>	Sửa đổi, bổ sung

	<p>khi phê duyệt. Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật phê duyệt quy hoạch, kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật và thông báo công khai quy hoạch, kế hoạch đó trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày phê duyệt.</p>		<p><i>Việc lấy ý kiến, thông báo kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.</i></p>	
	<p><b>Điều 32. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật</b></p>		<p><b>Điều 32. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật</b></p>	
	<p>1. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được quy định như sau:</p>		<p>1. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được quy định như sau:</p>	
	<p>d) Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định tại Điều 33 của Luật này. Thời hạn thẩm định không quá sáu mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;</p>		<p>d) Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định tại Điều 33 của Luật này. Thời hạn thẩm định không quá <i>ba mươi ngày</i>, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;</p>	Sửa đổi
			<p>e) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.</p>	Bổ sung
	<p>2. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương được quy định như sau:</p>		<p>2. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương được quy định như sau:</p>	
	<p>c) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu tiếp thu ý kiến của tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh</p>		<p>c) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nghiên cứu tiếp thu ý kiến của tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa</p>	Sửa đổi, bổ sung

	<p>dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, lập hồ sơ dự thảo và gửi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 của Luật này để lấy ý kiến;</p>	<p>phương, lập hồ sơ dự thảo và gửi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 của Luật này để lấy ý kiến.</p> <p><i>Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 của Luật này có ý kiến trả lời Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời hạn ba mươi ngày. Trường hợp QCDP có nội dung phức tạp, liên quan nhiều lĩnh vực, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 của Luật này thành lập Hội đồng xem xét, đánh giá hồ sơ QCDP;</i></p>	
	<p><b>Điều 33. Nội dung thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia</b></p>	<p><b>Điều 33. Nội dung thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia</b></p>	
	<p>1. Sự phù hợp của quy chuẩn kỹ thuật với quy định của pháp luật và cam kết quốc tế có liên quan;</p>	<p>1. Sự phù hợp của quy chuẩn kỹ thuật với quy định của pháp luật, cam kết quốc tế về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hạ tầng chất lượng quốc gia.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>
	<p><b>Điều 35. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật</b></p>	<p><b>Điều 35. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật</b></p>	
	<p>3. Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật theo trình tự sau đây:</p>	<p>3. Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật theo trình tự sau đây:</p>	
	<p>a) Trên cơ sở kết quả rà soát hoặc đề nghị của tổ chức, cá nhân, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tổ chức lập hồ sơ bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; xem xét hồ sơ và quyết định bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p>	<p>1. Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật tổ chức rà soát quy chuẩn kỹ thuật định kỳ năm năm một lần hoặc sớm hơn khi cần thiết, kể từ ngày ban hành.</p> <p>2. Việc đình chính quy chuẩn kỹ thuật được thực hiện dựa trên cơ sở kết quả rà soát quy chuẩn kỹ thuật hoặc đề nghị đình chính quy chuẩn kỹ thuật của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức, cá nhân.</p> <p><i>Việc đình chính quy chuẩn kỹ thuật được thực hiện</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>

		<p><i>đối với quy chuẩn kỹ thuật có sai lỗi về thể thức trình bày, số hiệu quy chuẩn, nội dung biên tập mà không ảnh hưởng, thay đổi các quy định, yêu cầu kỹ thuật của quy chuẩn.</i></p> <p>3. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế quy chuẩn kỹ thuật được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 32 của Luật này trên cơ sở kết quả rà soát hoặc đề nghị của tổ chức, cá nhân.</p> <p>4. Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật theo trình tự sau đây:</p> <p>a) Trên cơ sở kết quả rà soát hoặc đề nghị của tổ chức, cá nhân, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tổ chức lập hồ sơ bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; xem xét hồ sơ và quyết định bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.</p> <p>Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quyết định bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia <i>có đối tượng không thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.</i></p> <p>b) Trên cơ sở kết quả rà soát hoặc đề nghị của tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức lập hồ sơ bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương; xem xét hồ sơ và quyết định bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương sau khi có ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 của Luật này.”.</p>	
		<p><b>Điều 35a. Xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật theo trình tự,</b></p>	<p>Bổ sung</p>



			<p><b>thủ tục rút gọn</b></p> <p>1. Các trường hợp xây dựng, thẩm định, ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật theo trình tự, thủ tục rút gọn:</p> <p>a) Trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.</p> <p>b) Trường hợp cần ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của quy chuẩn kỹ thuật để kịp thời bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.</p> <p>c) Trường hợp cần bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật trái pháp luật hoặc không còn phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội.</p>	
			<p>2. Thẩm quyền quyết định việc xây dựng, thẩm định, ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật theo trình tự, thủ tục rút gọn</p> <p>a) Thủ tướng Chính phủ quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với quy chuẩn kỹ thuật trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.</p> <p>b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với quy chuẩn kỹ thuật thuộc thẩm quyền ban hành trong trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.</p>	

		<p>3. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật theo trình tự, thủ tục rút gọn</p> <p>a) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật tổ chức việc soạn thảo, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc đề nghị bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật căn cứ quyết định của người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quy chuẩn kỹ thuật, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Thời hạn lấy ý kiến không quá hai mươi ngày;</p> <p>c) Trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 của Luật này có trách nhiệm có ý kiến đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương;</p> <p>d) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoàn chỉnh dự thảo và ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày có ý kiến thẩm định nhất trí hoặc kể từ ngày hoàn thiện hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương hoàn chỉnh dự thảo và ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày có ý kiến nhất trí hoặc hoàn thiện hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm</p>	
--	--	---	--

			<p>quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 của Luật này đối với quy chuẩn kỹ thuật địa phương.</p> <p>Trường hợp không nhất trí với ý kiến thẩm định, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.</p> <p>đ) Chính phủ quy định cụ thể hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật theo trình tự, thủ tục rút gọn.</p>	
	<b>Điều 36. Thông báo, phổ biến, đăng ký, xuất bản, phát hành quy chuẩn kỹ thuật</b>		<b>Điều 36. Thông báo, phổ biến, đăng ký, xuất bản, phát hành quy chuẩn kỹ thuật</b>	
	1. Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật có trách nhiệm sau đây:		1. Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật có trách nhiệm sau đây:	
	a) Thông báo công khai việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật và việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn ít nhất là ba mươi ngày, kể từ ngày ra quyết định;		a) Thông báo việc ban hành, đính chính, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn ít nhất là ba mươi ngày, kể từ ngày ra quyết định. Đối với quy chuẩn kỹ thuật được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật thông báo việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật được ban hành.	Sửa đổi, bổ sung
			đ) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thực hiện thông báo, phổ biến, đăng ký, xuất bản, phát hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và gửi văn bản quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đến Bộ Khoa học và Công nghệ.	Bổ sung
<b>CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ SỰ</b>		<b>CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP</b>		

PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT		VỚI TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT		
<b>Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP</b>		<b>Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP</b>	<b>Điều 43a. Thử nghiệm</b>	Bổ sung
			<i>1. Thử nghiệm phục vụ hoạt động của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh được thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức thử nghiệm.</i>	
			<i>2. Thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước được thực hiện tại tổ chức thử nghiệm được chỉ định hoặc được công nhận và đã đăng ký.</i>	
			<b>Điều 43b. Giám định</b>	Bổ sung
			<i>1. Giám định phục vụ mục đích thương mại do tổ chức giám định thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân có nhu cầu giám định.</i>	
			<i>2. Việc giám định phục vụ quản lý nhà nước do tổ chức giám định được chỉ định hoặc được công nhận và đã đăng ký thực hiện.</i>	
<b>Mục 2. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỚI TIÊU</b>	<b>Điều 45. Công bố hợp chuẩn</b>	<b>Mục 2. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN</b>	<b>Điều 45. Công bố hợp chuẩn</b>	

CHUẨN				
	2. Tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn phải đăng ký bản công bố hợp chuẩn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.		2. Tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn phải đăng ký bản công bố hợp chuẩn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi đưa sản phẩm, hàng hóa ra lưu thông, cung cấp dịch vụ, quá trình, môi trường trên thị trường.	Sửa đổi, bổ sung
<b>Mục 3. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỚI QUY CHUẨN KỸ THUẬT</b>	<b>Điều 48. Công bố hợp quy</b>	<b>Mục 3. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỚI QUY CHUẨN KỸ THUẬT</b>	<b>Điều 48. Công bố hợp quy</b>	
	1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật có trách nhiệm công bố sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận sự phù hợp được chỉ định theo quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật này thực hiện hoặc kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân trên cơ sở kết quả thử nghiệm của phòng thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định.		1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật có trách nhiệm công bố sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận sự phù hợp được chỉ định theo quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật này thực hiện hoặc kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân trên cơ sở kết quả thử nghiệm. <i>Thử nghiệm phục vụ chứng nhận hợp quy hoặc tự đánh giá của tổ chức, cá nhân do tổ chức thử nghiệm được công nhận và đã đăng ký thực hiện hoặc do tổ chức thử nghiệm được chỉ định thực hiện.</i>	Sửa đổi, bổ sung
	<b>Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận hợp quy</b>		<b>Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận hợp quy</b>	
	1. Tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận		1. Tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận hợp quy có	

	hợp quy có các quyền sau đây:		các quyền sau đây:	
	a) Lựa chọn tổ chức chứng nhận sự phù hợp đã được chỉ định theo quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật này;		a) Lựa chọn tổ chức chứng nhận sự phù hợp, tổ chức thử nghiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 47, <i>khoản 1 Điều 48 của Luật này;</i>	Sửa đổi, bổ sung
<b>Mục 4. TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN SỰ PHÙ HỢP</b>	<b>Điều 50. Các tổ chức chứng nhận sự phù hợp</b>	<b>Mục 4. TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP</b>	<b>Điều 50. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp</b>	Sửa đổi
	1. Đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ kỹ thuật.		1. <i>Tổ chức đánh giá sự phù hợp trong nước, bao gồm:</i> a) <i>Tổ chức khoa học và công nghệ;</i> b) <i>Doanh nghiệp.</i>	Sửa đổi
	2. Doanh nghiệp			
	3. Chi nhánh của tổ chức chứng nhận nước ngoài tại Việt Nam.		2. <i>Tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài tại Việt Nam.</i>	Sửa đổi
	<b>Điều 51. Điều kiện hoạt động của tổ chức chứng nhận sự phù hợp</b>		<b>Điều 51. Điều kiện hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp</b>	Sửa đổi
	Tổ chức chứng nhận sự phù hợp phải đáp ứng các điều kiện sau đây: 1. Có bộ máy tổ chức và năng lực đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với tổ chức chứng nhận sự phù hợp;		Tổ chức đánh giá sự phù hợp phải đáp ứng các điều kiện sau đây: 1. Có bộ máy tổ chức và năng lực đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với tổ chức <i>đánh giá sự phù hợp;</i>	Sửa đổi
	2. Thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế;		2. Thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế;	Giữ nguyên
	3. Đăng ký hoạt động chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.		3. <i>Đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</i>	Sửa đổi
			4. <i>Đáp ứng các điều kiện khác đối với ngành nghề</i>	Bổ sung

		<i>kinh doanh có điều kiện theo quy định pháp luật liên quan.</i>	
		<i>5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</i>	Bổ sung
		<b>Điều 51a. Quyền của tổ chức đánh giá sự phù hợp</b>	Bổ sung
		<i>1. Tiến hành các hoạt động đánh giá sự phù hợp trên cơ sở hợp đồng ký kết với tổ chức, cá nhân đề nghị đánh giá sự phù hợp trong lĩnh vực đã đăng ký hoạt động hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định.</i>	
		<i>2. Được thanh toán chi phí theo thoả thuận với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đánh giá sự phù hợp hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</i>	
		<i>3. Cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp cho đối tượng được đánh giá sự phù hợp tương ứng.</i>	
		<i>4. Cấp, cấp lại, mở rộng, thu hẹp phạm vi hoặc tạm đình chỉ, thu hồi giấy xác nhận sự phù hợp, quyền sử dụng dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy đã cấp cho các đối tượng được đánh giá sự phù hợp tương ứng.</i>	
		<i>5. Từ chối cung cấp thông tin liên quan đến kết quả đánh giá sự phù hợp cho bên thứ ba, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.</i>	
		<i>6. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật.</i>	
		<i>7. Thu chi phí từ hoạt động đánh giá sự phù hợp</i>	
		<b>Điều 51b. Nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp</b>	Bổ sung
		<i>1. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 51 của Luật này.</i>	
		<i>2. Không được từ chối cung cấp dịch vụ khi không có lý do chính đáng.</i>	

			3. Bảo mật các thông tin, số liệu, kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức được đánh giá sự phù hợp, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.	
			4. Bảo đảm công khai, minh bạch, độc lập, khách quan, chính xác và không phân biệt đối xử về xuất xứ hàng hóa và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.	
			5. Bảo đảm trình tự, thủ tục đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.	
			6. Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc cấp, cấp lại, mở rộng, thu hẹp phạm vi hoặc tạm đình chỉ, thu hồi giấy xác nhận sự phù hợp và quyền sử dụng dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy.	
			7. Chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động đánh giá sự phù hợp.	
			8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá sự phù hợp.	
			9. Trả tiền phạt cho tổ chức, cá nhân có sản phẩm, hàng hóa được đánh giá trong trường hợp cung cấp sai kết quả đánh giá sự phù hợp.	
			10. Bồi thường thiệt hại phát sinh cho tổ chức, cá nhân yêu cầu đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật về dân sự trong trường hợp cung cấp sai kết quả đánh giá sự phù hợp.	
	<b>Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức chứng nhận sự phù hợp</b>			Bãi bỏ, thay thế bằng các Điều 51a, 51b



	<p>1. Tổ chức chứng nhận sự phù hợp có các quyền sau đây:</p> <p>a) Cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn hoặc giấy chứng nhận hợp quy cho sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>b) Giao quyền sử dụng dấu hợp chuẩn hoặc dấu hợp quy cho tổ chức, cá nhân có sản phẩm, hàng hoá đã được chứng nhận hợp chuẩn hoặc chứng nhận hợp quy;</p> <p>c) Thu hồi giấy chứng nhận hợp chuẩn hoặc giấy chứng nhận hợp quy, quyền sử dụng dấu hợp chuẩn hoặc dấu hợp quy đã cấp.</p>			<p>Bãi bỏ, thay thế bằng Điều 51a</p>
	<p>2. Tổ chức chứng nhận sự phù hợp có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Thực hiện chứng nhận hợp chuẩn hoặc chứng nhận hợp quy theo lĩnh vực đã đăng ký trên cơ sở hợp đồng ký kết với tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận;</p> <p>b) Bảo đảm tính khách quan và công bằng trong hoạt động chứng nhận hợp chuẩn hoặc chứng nhận hợp quy; không được thực hiện hoạt động tư vấn cho tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận;</p> <p>c) Bảo mật các thông tin thu thập được trong quá trình tiến hành hoạt động chứng nhận;</p>			<p>Bãi bỏ, thay thế bằng Điều 51b</p>

	<p>d) Giám sát đối tượng đã được chứng nhận nhằm bảo đảm duy trì sự phù hợp của đối tượng đã được chứng nhận với tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;</p> <p>đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình;</p> <p>e) Thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc thu hồi giấy chứng nhận và quyền sử dụng dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy.</p>			
<p><b>Mục 5. CÔNG NHẬN, THỪA NHẬN LẦN NHAU</b></p>	<p><b>Điều 53. Hoạt động công nhận</b></p>	<p><b>Mục 5. CÔNG NHẬN, THỪA NHẬN LẦN NHAU</b></p>	<p><b>Điều 53. Hoạt động công nhận</b></p>	
	<p>1. Hoạt động công nhận được tiến hành đối với các tổ chức sau đây:</p> <p>a) Phòng thử nghiệm;</p> <p>b) Phòng hiệu chuẩn;</p> <p>c) Tổ chức chứng nhận sự phù hợp;</p> <p>d) Tổ chức giám định.</p>		<p>1. Hoạt động công nhận được tiến hành đối với các tổ chức sau đây:</p> <p>a) <i>Tổ chức thử nghiệm;</i></p> <p>b) <i>Tổ chức hiệu chuẩn;</i></p> <p>c) <i>Tổ chức chứng nhận (hệ thống quản lý, năng lực cá nhân, sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ và môi trường);</i></p> <p>d) <i>Tổ chức giám định;</i></p> <p>đ) <i>Tổ chức sản xuất mẫu chuẩn;</i></p> <p>e) <i>Tổ chức cung cấp thử nghiệm thành thạo;</i></p> <p>g) <i>Phòng xét nghiệm y tế;</i></p> <p>h) <i>Tổ chức có hoạt động xác nhận giá trị sử dụng;</i></p> <p>i) <i>Tổ chức có hoạt động kiểm tra xác nhận;</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>

		<i>k) Các tổ chức đánh giá sự phù hợp khác có liên quan.</i>	
	<b>Điều 54. Tổ chức công nhận</b>	<b>Điều 54. Tổ chức công nhận</b>	
	1. Tổ chức công nhận là đơn vị sự nghiệp khoa học thực hiện đánh giá, công nhận năng lực của các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật này.	1. Tổ chức công nhận là <i>tổ chức khoa học và công nghệ, đã đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ</i> , thực hiện đánh giá, công nhận năng lực của các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật này.	Sửa đổi, bổ sung
	2. Tổ chức công nhận phải đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Có bộ máy tổ chức và năng lực đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với tổ chức công nhận; được tổ chức công nhận quốc tế hoặc tổ chức công nhận khu vực thừa nhận; b) Hoạt động phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với tổ chức công nhận; c) Thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế; d) Hoạt động độc lập, khách quan.	2. Tổ chức công nhận phải đáp ứng các điều kiện sau đây: <i>a) Có cơ cấu tổ chức, hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với tổ chức công nhận;</i> <i>b) Đáp ứng yêu cầu và điều kiện đối với thành viên chính thức của một trong các tổ chức công nhận khu vực hoặc quốc tế quy định về hoạt động công nhận;</i> <i>c) Hoạt động độc lập, khách quan. Người thành lập, quản lý, điều hành tổ chức công nhận không được tham gia vào các hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp như góp vốn, thành lập, quản lý, tham gia quản lý, điều hành hoặc làm đại diện theo pháp luật của tổ chức đánh giá sự phù hợp;</i> <i>d) Đăng ký hoạt động công nhận tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</i>	Sửa đổi, bổ sung
	3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tổ chức và hoạt động của tổ chức công nhận.	3. <i>Tổ chức công nhận quốc gia:</i> <i>a) Đại diện chính thức của Việt Nam tham gia các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau, diễn đàn công nhận quốc tế và khu vực;</i> <i>b) Là tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật này, đã tham gia ký kết thỏa thuận thừa</i>	Bổ sung

		<p>nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp của các tổ chức công nhận khu vực hoặc quốc tế đối với các chương trình công nhận tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật này.</p> <p>c) Tổ chức công nhận quốc gia: có Hội đồng công nhận quốc gia và ban kỹ thuật chuyên ngành, trong đó Ban kỹ thuật chuyên ngành do tổ chức công nhận quốc gia thành lập để thực hiện chức năng tư vấn các vấn đề về kỹ thuật trong từng lĩnh vực chuyên ngành cụ thể liên quan đến hoạt động công nhận.</p> <p>d) Có trách nhiệm tham gia, phối hợp, thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đánh giá sự phù hợp.</p>	
		<p>4. Hội đồng công nhận quốc gia</p> <p>Hội đồng công nhận quốc gia có nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Nghiên cứu, tư vấn các cơ chế, chính sách về quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát và phát triển hoạt động công nhận phù hợp nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, hạ tầng chất lượng quốc gia và hội nhập quốc tế.</p> <p>b) Tham mưu, tư vấn hoạt động của tổ chức công nhận quốc gia phù hợp với phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế.</p>	Bổ sung
		<p>5. Chính phủ quy định chi tiết điều này về:</p> <p>a) Điều kiện và đăng ký hoạt động của tổ chức công nhận;</p> <p>b) Tổ chức công nhận quốc gia và hoạt động của Hội đồng công nhận quốc gia;</p> <p>c) Định hướng, mục tiêu và giải pháp phát triển của tổ chức công nhận quốc gia đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.</p>	Bổ sung

			6. Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất thực hiện quản lý nhà nước, kiểm tra, thanh tra hoạt động công nhận; quản lý hoạt động của tổ chức công nhận, tổ chức công nhận quốc gia và hội đồng công nhận quốc gia.	Bổ sung
	<b>Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức công nhận</b>		<b>Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức công nhận</b>	
	<p>2. Tổ chức được công nhận có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Bảo đảm bộ máy tổ chức và năng lực đã được công nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế tương ứng;</p> <p>b) Duy trì hệ thống quản lý phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế tương ứng;</p> <p>c) Bảo đảm tính khách quan, công bằng trong hoạt động đánh giá sự phù hợp;</p> <p>d) Tổ chức chứng nhận sự phù hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 53 của Luật này còn phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật này;</p> <p>đ) Trả chi phí cho việc công nhận.</p>		<p>2. Tổ chức công nhận có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Thực hiện việc công nhận trên cơ sở đề nghị công nhận của tổ chức, cá nhân;</p> <p>b) Bảo đảm công khai, minh bạch, độc lập, khách quan, chính xác trong hoạt động công nhận; không được thực hiện hoạt động tư vấn cho tổ chức đề nghị công nhận quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật này;</p> <p>c) Bảo mật các thông tin thu thập được trong quá trình tiến hành hoạt động công nhận; trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;</p> <p>d) Giám sát tổ chức được công nhận nhằm bảo đảm duy trì năng lực của tổ chức được công nhận phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng;</p> <p>đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động và kết quả công nhận của mình.</p> <p>e) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc cấp, cấp lại, mở rộng, thu hẹp phạm vi công nhận hoặc tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ công nhận.</p> <p>g) Chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động công nhận.</p>	Sửa đổi, bổ sung
	<b>Điều 57. Thoả thuận thừa nhận lẫn nhau</b>		<b>Điều 57. Thoả thuận thừa nhận lẫn nhau</b>	

	2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan tổ chức thực hiện các thoả thuận thừa nhận lẫn nhau quy định tại khoản 1 Điều này.		2. Bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện các thoả thuận thừa nhận lẫn nhau quy định tại khoản 1 Điều này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	Sửa đổi, bổ sung
			<b>Điều 57a. Chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp</b>	Bổ sung
			1. Cơ quan quản lý nhà nước xem xét, quyết định chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài có đủ năng lực và được công nhận căn cứ điều kiện về năng lực do cơ quan quản lý nhà nước quy định để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước.	
			2. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của nhau khi các kết quả đánh giá sự phù hợp được thực hiện bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được chỉ định hoặc công nhận.	
<b>CHƯƠNG V. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN VÀ LĨNH VỰC QUY</b>	<b>Điều 59. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ</b>	<b>CHƯƠNG V. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN VÀ LĨNH VỰC QUY CHUẨN KỸ THUẬT</b>	<b>Điều 59. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ</b>	

CHUẨN KỸ THUẬT				
	2. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm sau đây:		2. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm sau đây:	
	a) Xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật; tổ chức lập và phê duyệt quy hoạch, kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc lĩnh vực được phân công quản lý;		a) Xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược <i>quốc gia</i> về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật; tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc lĩnh vực được phân công quản lý;	Bổ sung
	đ) Quản lý và hướng dẫn hoạt động đánh giá sự phù hợp;		<i>đ) Xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành văn bản quản lý, hướng dẫn hoạt động đánh giá sự phù hợp, cơ quan tiêu chuẩn hoá quốc gia, tổ chức công nhận quốc gia;</i>	Sửa đổi, bổ sung
	i) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn thực hiện pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; thực hiện thống kê về lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật;		i) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn thực hiện pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; <i>xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia,</i> thực hiện thống kê về lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật;	Sửa đổi, bổ sung
			<i>l. Phối hợp với Bộ Tài chính bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để đảm bảo phục vụ hoạt động kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.</i>	Bổ sung
			<i>m. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính và các bộ ngành liên quan tìm kiếm, chuyển giao, khai thác tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, nước</i>	Bổ sung

			<i>ngoài để phục vụ quốc phòng, an ninh.</i>	
	<b>Điều 60. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ</b>		<b>Điều 60. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ</b>	
	1. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:		1. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:	
			<i>l. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện hoạt động thông báo, hỏi đáp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.</i>	Bổ sung
<b>CHƯƠNG VI. THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỜ CÁO VÀ TRANH CHẤP VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT</b>				Bãi bỏ



<b>CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b>	<b>Điều 69. Điều khoản chuyển tiếp</b>		<b>Điều 69. Điều khoản chuyển tiếp</b>	Bãi bỏ
	1. Tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành đã được ban hành theo Pháp lệnh chất lượng hàng hoá năm 1999 và theo luật, pháp lệnh khác được xem xét, chuyển đổi thành tiêu chuẩn quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.			
	2. Các quy định kỹ thuật, quy trình, quy phạm, quy chuẩn, tài liệu kỹ thuật bắt buộc áp dụng đã được ban hành phục vụ quản lý nhà nước được xem xét để chuyển đổi thành quy chuẩn kỹ thuật.			
	3. Chính phủ quy định việc chuyển đổi tiêu chuẩn ngành thành tiêu chuẩn quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này và việc chuyển đổi các quy định kỹ thuật, quy trình, quy phạm, quy chuẩn, tài liệu kỹ thuật bắt buộc áp dụng thành quy chuẩn kỹ thuật quy định tại khoản 2 Điều này.			
	<b>Điều 71. Hướng dẫn thi hành</b>		<b>Điều 71. Hướng dẫn thi hành</b>	Bãi bỏ
	Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này		Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này	

